

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65** /2021/DS-PT
Ngày: 22 - 6- 2021
V/v Tranh chấp chia thừa kế
QSDĐ, yêu cầu hủy giấy
CNQSDĐ và đòi lại QSDĐ
cho ở nhờ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán: 1/. Ông Nguyễn Văn Dũ.

2/. Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2021/TLPT- DS ngày 08 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đòi quyền sử dụng đất cho ở nhờ*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2021/QĐ-PT, ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Nguyễn Thị H), sinh năm 1958. Địa chỉ: Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Huỳnh H, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện ủy quyền của các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Thị Huỳnh H: ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 209, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2020). (có mặt)

- *Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1953 (vắng mặt).*

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thanh H2: ông Võ Minh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền ngày 19/3/2021). (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Minh S (Văn S), sinh năm 1973 (vắng mặt)

2. Bà Đào Thị Hồng C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X B, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

3. Ông Lâm Hiệp S1 (Lâm Văn S1), sinh năm 1968 (vắng mặt).

4. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn S1, bà Lâm Thị N: Ông Võ Minh T, sinh năm 1992. Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

4. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1985 (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Tùng S2, sinh năm 1987 (vắng mặt).

6. Ông Lê Văn N1, sinh năm 1998 (vắng mặt).

7. Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 2000 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

8. Ông Đoàn Văn T4, sinh năm 1989 (vắng mặt).

9. Bà Đoàn Thị Kiều M1 (tên gọi khác: H3), sinh năm 1993 (có mặt).

10. Ông Trần Minh Khánh H4, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lữ M2 (tên gọi khác: H5), sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng . (Có mặt);

2. Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng . (vắng mặt).

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Minh H1 trình bày: Trước đây vợ chồng cụ Nguyễn Văn D, cụ Đinh Thị N2 có tạo lập được 01 phần đất ở có diện tích ngang khoảng 17m x dài 25m và khoảng 10 công đất ruộng cùng tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng . Hai cụ có 04 người con gồm ông Nguyễn Thanh H2, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Huỳnh H. Đến năm 1985, cụ D chết, không để lại di chúc và cụ Ngà tiếp tục ở và quản lý phần đất nêu trên với người con út là Nguyễn Thị Huỳnh H. Đến năm 2003 thì cụ N2 chết, cũng không để lại di chúc nên ông Nguyễn Thanh H2 về ở và quản lý phần đất của cha, mẹ để lại. Do các bà L, bà M và bà H có điều kiện khó khăn và có chồng phải thường xuyên đi làm ăn xa nên ông H2 đã đăng ký kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha, mẹ để lại và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 980m², tại thửa 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và phần đất ruộng. Nhưng sau đó, ông H2 đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất ruộng cho người khác, còn lại phần đất tại thửa 853 gia đình ông H2 tiếp tục ở và quản lý cho đến nay. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Thanh H2 đã tự ý chuyển nhượng cho ông Võ Văn S một phần diện tích thửa 853 nêu trên, có chiều ngang cấp quốc lộ 1A là 04m, chiều dài chạy thẳng đến kênh thủy lợi khoảng 45m, tổng cộng khoảng 164m² và chuyển nhượng cho ông Lâm Văn S1 chiều ngang cấp quốc lộ 1A là 03m, chiều dài chạy thẳng đến kênh thủy lợi khoảng 45m.

Việc ông H2 đăng ký, kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha, mẹ để lại tại thửa 853, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, cũng như chuyển nhượng một phần diện tích đất tại thửa 853 cho ông Võ Văn S, ông Lâm Văn S1 thì các em trong gia đình là bà L, bà M và bà H hoàn toàn không biết, ông H2 không có hỏi ý kiến ai, tự ý chuyển nhượng. Nay các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc M và bà Nguyễn Thị Huỳnh H khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành A 72933 do UBND huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành) cấp cho ông Nguyễn Thanh H2 ngày 01/12/1991 tại thửa 853, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

2. Chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế hiện nay là 554,1m², tại thửa 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng .

Theo Đơn yêu cầu phản tố ngày 08/7/2020, Tờ tường trình ngày 06/9/2020 của bị đơn ông Nguyễn Thanh H2, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Võ

Minh T trình bày: Phần đất tại thửa 853, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng mà các nguyên đơn bà L, bà M và bà H yêu cầu chia thừa kế có nguồn gốc là của cha, mẹ ông H2 là cụ Nguyễn Văn D, cụ Đinh Thị N2 khai phá trước năm 1975. Đến năm 1975, khi ông H2 có gia đình ra ở riêng nên được cha mẹ cho phần đất này cất nhà ở tạm, gia đình ông H2 ở đến năm 1991 thì đi đăng ký, kê khai xin Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 980m² tại thửa 853, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất thì ông H2 có chuyển nhượng cho ông Võ Văn S 01 cái mương cặp bên có diện tích chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 45m và chuyển nhượng cho ông Lâm Văn S1 01 cái mương có diện tích chiều ngang khoảng 03m, chiều dài khoảng 45m. Còn đối với phần đất ruộng 10 công thì lúc mẹ ông H2 còn sống đã đứng ra chuyển nhượng cho ông Hồ Văn Nh và chia đều tiền cho các con trong gia đình. Sau đó, anh chị em trong gia đình ai cũng có gia đình riêng, mỗi người sống một nơi. Đến năm 2007, em của ông H2 là bà Nguyễn Thị Huỳnh H làm ăn thất bại nên có đến gặp ông xin cất chòi lá tạm để ở và làm chỗ sửa xe cặp bên trước nhà ông H2 ở, do tình cảm anh em và hoàn cảnh bà H khó khăn nên ông đồng ý cho ở làm nơi sinh sống. Đến năm 2011, thì bà H tiếp tục sửa chữa lại nhà kiên cố hơn như hiện nay và lấn chiếm thêm, tổng diện tích bà H đang sử dụng có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 14m, do là anh em nên ông H2 không có ngăn cản, để cho bà H cất nhà ở cho đến nay. Nay các em ông H2 khởi kiện, yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tại thửa 853, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng thì ông H2 không đồng ý, do phần đất này là của ông H2, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và sử dụng ổn định từ năm 1975 cho đến nay, trên thửa đất này ông H2 đã xây dựng nhà ở kiên cố và có phần mộ của cha, mẹ và vợ ông H2 nên các nguyên đơn yêu cầu chia là không có cơ sở.

Đồng thời, ông Nguyễn Thanh H2 có yêu cầu phản tố đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà H tháo dỡ nhà để trả lại phần đất đang sử dụng cho ông H2 theo diện tích thẩm định, đo đạc thực tế của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Hồng C và ông Võ Minh S đồng trình bày: Ông, bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 có liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông, bà. Vào năm 2002, khi ông H2 chuyển nhượng đất nêu trên cho ông, bà thì không có ai tranh chấp, ông H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã làm thủ tục chuyển nhượng phần đất cho ông S đúng theo quy định của pháp luật và ông S đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 164m² tại thửa 989, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 10/10/2002 cho đến nay, không có ai tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn S1, bà Lâm Thị N do người đại diện theo ủy quyền ông Võ Minh T trình bày: Ông S1, bà N không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 có liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông S1, bà N. Cụ thể, vào ngày 05/6/1998, ông H2 có chuyển nhượng cho gia đình ông S1, bà N ½ cái mương cấp ranh với đất gia đình ông S1 với số tiền 1.000.000 đồng, khi chuyển nhượng không có đo đạc diện tích cụ thể và mẹ của ông H2 là cụ N còn sống đồng ý cho chuyển nhượng và hai bên chỉ làm giấy tờ tay, nhưng do ông H2 là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đứng ra chuyển nhượng phần đất nêu trên cho ông S1, bà N. Nhưng khi làm thủ tục chuyển tên phần đất đã chuyển nhượng thì ông H2 nói là đã thế chấp sổ đỏ vay Ngân hàng nên không làm thủ tục chuyển tên được cho đến nay. Phần đất của ông S1, bà N nhận chuyển nhượng đất của ông H2 thì đã quản lý, sử dụng từ năm 1998 và san lấp mương nước, xây hàng rào làm ranh với nhà ông H2 có hiện trạng sử dụng như hiện nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Tùng S2, em Lê Văn N1, Lê Thị Ngọc T3 là các con, cháu sinh sống trên phần đất tranh chấp và chung hộ với bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của các nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm anh T2, anh S2 xác định phần đất mà các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là của cha các anh ông Nguyễn Thanh H2 quản lý, sử dụng từ đó cho đến nay, phần mồ mã ông bà nội là do ông H2 và các anh trực tiếp sửa chữa và xây mộ đá lại như hiện nay.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án như anh Đoàn Văn T4, chị Đoàn Thị Kiều M1, anh Trần Minh Khánh H4 là các con của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H đang sinh sống trên phần đất tranh chấp và chung hộ với bà H không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố của các nguyên đơn, bị đơn.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết như sau:

Căn cứ vào khoản 5, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 156, khoản 1 Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1, 3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng: Điều 166, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điểm a khoản Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 100, Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Nguyễn Thị Huỳnh H đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế là 554,1m², tại thửa 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tranh chấp nêu trên, do ông Nguyễn Thanh H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện Mỹ Tú (nay là huyện Châu Thành) cấp ngày 01/12/1991.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H2 đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh H về việc đòi lại quyền sử dụng đất cho ở nhờ có diện tích đo đạc thực tế là 53,5m², thuộc một phần thửa 853, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng do ông Nguyễn Thanh H2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp vào ngày 01/12/1991.

- Buộc bà Nguyễn Thị Huỳnh H có nghĩa vụ giao trả giá trị quyền sử dụng đất 53,5m², thuộc thửa 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cho ông Nguyễn Thanh H2 tương ứng với số tiền là 74.900.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Thanh H2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Huỳnh H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Ôn định và giao cho bà Nguyễn Thị Huỳnh H được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất có diện tích 53,5m², thuộc thửa 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, có số đo cụ thể như sau:

+ Hướng đông giáp thửa 853 còn lại của ông H2 + thửa 989 của ông Sơn có số đo: 03m + 13,57m.

+ Hướng tây giáp quốc lộ 1A có số đo: 3,8m.

+ Hướng nam giáp thửa 989 của ông Sơn có số đo: 03m + 13,57m

+ Hướng bắc giáp thửa 853 còn lại của ông H2 có số đo: 3,1m.

Tổng diện tích: 53,5m² (Trong đó có 16m² trong phạm vi giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A).

- Bà Nguyễn Thị Huỳnh H được quyền đăng ký, kê khai và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 53,5m², thuộc thửa 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng đang quản lý, sử dụng nêu trên theo quy định của luật đất đai nếu đã thực hiện xong nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thanh H2.

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng thửa đất).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/01/2021 Bà Nguyễn Thị Huỳnh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với các lý do: Phần đất này cha mẹ bà chuyển nhượng của bà Trần Thị D1 tên gọi khác là Tư L1; tại biên bản hòa giải ngày 05/3/2020 ông H2 cũng thừa nhận đất này của cha mẹ mua của bà Tư L1; đơn đăng ký quyền sử dụng đất thể hiện vợ ông H2 ký thay chứng minh ông H2 không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất. Khi cụ D mất thì mẹ bà và bà là người trực tiếp quản lý và sinh sống trên đất, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất không thể hiện có việc tặng cho đất; công văn của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành ngày 12/10/2020 cũng khẳng định thời điểm UBND huyện Mỹ Tú cấp giấy cho ông H2 là đại trà; sau khi ông H2 cưới vợ được cha mẹ cho phần đất dưới bờ sông để cất nhà ở, sau khi giải phóng mặt bằng quốc lộ 1A thì ông H2 mới lên cất nhà trên thửa đất 853, ông H2 không sống chung và cũng không phụng dưỡng cha mẹ; mồ mã cha mẹ đều do 03 chị em bà xây cất; Việc ông H2 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà không hay biết, khi ông H2 bán đất cho ông S bà không hay biết còn khi bán cho ông S1 thì bà biết nên chị em bà có ngăn cản nhưng ông S1 cố tình mua. Do năm 2019 -2020 ông H2 kêu bán toàn bộ phần đất này nên chị em bà ngăn cản nên chưa bán được, ông H2 làm điều trái đạo đức bán hết phần đất đồng nghĩa với bán mồ mã cha mẹ; việc ông H2 cho rằng đất cha mẹ khai phá trước năm 1975 là không đúng; lời khai của ông H2 là không đúng sự thật mâu thuẫn với lời khai ngày 5/3/2020 và từ nhỏ tới lớn bà là người ở chung với cha mẹ và ở trên thửa đất này từ trước đến nay không di dời đi đâu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H không rút lại đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đồng thời bổ sung thêm ý kiến do nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn nhưng cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm tố tụng trường hợp cấp phúc thẩm khắc phục được thì yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, còn không khắc phục được thì đề nghị yêu cầu hủy án để giải quyết lại; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và ý kiến của mình; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, phát biểu ý kiến giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013, về thẩm quyền giải quyết vụ án có yêu cầu hủy quyết định cá biệt (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án. Việc cấp

giấy chứng nhận QSDĐ cho ông Nguyễn Thanh H2 (cấp lần đầu) không pH2 trên cơ sở hợp đồng dân sự do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng về thẩm quyền. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H áp dụng khoản 3 Điều 308 của BLTTDS năm 2015 hủy bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về người kháng cáo: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: tại phiên tòa hôm nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Minh S, Đào Thị Hồng C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Tùng S2, Lê Văn N1, Lê Thị Ngọc T3, Đoàn Văn T4, Trần Minh Khánh H4 và người làm chứng Lâm Văn Đ vắng lần thứ hai không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa người đại diện nguyên đơn bổ sung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không khắc phục được thì đề nghị hủy án. Xét thấy, yêu cầu này không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng chấp nhận xem xét.

[4] Về thẩm quyền giải quyết án: Các nguyên đơn Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Ngọc M, Nguyễn Thị Huỳnh H khởi kiện bị đơn Nguyễn Thanh H2 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 554,1m², tại thửa đất 853, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là di sản do cụ Nguyễn Văn D và cụ Đinh Thị N2 và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Nguyễn Thanh H2 đứng tên ngày 01/12/1991. Xét thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Nguyễn Thanh H2 ngày 01/12/1991 là cấp lần đầu không qua hợp đồng dân sự là trường hợp có xem xét hủy quyết định cá biệt và để giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn xác định phần đất trên có phải là di sản hay không thì phải xem xét về tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp cho ông Nguyễn Thanh H2 nên cần phải đưa Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú (nay là Châu Thành) vào tham gia

tổ tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và trong trường hợp này thì thẩm quyền giải quyết vụ án được xác định theo khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết. Trường hợp này, Tòa án cấp huyện đang thụ lý giải quyết vụ án phải căn cứ vào khoản 4 Điều 32 của Luật tố tụng hành chính, khoản 4 Điều 34 cả Bộ luật tố tụng dân sự để chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết theo thẩm quyền nhưng Tòa án cấp huyện đã tiến hành xét xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần thiết phải hủy bản án để giao cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Từ phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh H về việc yêu cầu xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các yêu cầu của các đương sự sẽ được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, xem xét lại theo quy định pháp luật.

[6] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và án phí giải quyết sơ thẩm được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại.

[7] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết sơ thẩm theo quy định pháp luật là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Do các đương sự thuộc diện miễn án phí do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không có tạm ứng án phí phúc thẩm nên không có xử lý trả lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310; khoản 3 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST, ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí sơ thẩm được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV;
- Lưu: HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tôn Thị Thanh Thúy